

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC
GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021 /DS-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2021
*Về việc “Tranh chấp hợp
đồng hợp tác bán hàng và
kiện đòi tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Văn Tư

2, Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc tham gia phiên tòa: Bà
Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2021/TLST-DS ngày 01/6/2021 về
việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng và kiện đòi tài sản” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, Quyết
định hoãn phiên tòa số 93/2021/QĐST-DS ngày 29/7/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn Trinh
Nữ, xã HK, huyện B, tỉnh HD.

(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 31,
ngõ 267 đường Phùng Khoang, tổ dân phố số 5, phường Trung Văn, quận NTL, H
N (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Công ty cổ phần LMTD Việt Nam.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: N24, Khu dân cư sỹ quan Quân đoàn 2, đường Hoàng
Văn Thụ kéo dài, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc, tỉnh Bắc.

Địa chỉ chi nhánh: Số 15 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận BTL,
thành phố H N (vắng mặt).

N DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng H và người đại diện theo ủy Q của ông H là ông Hoàng Quang Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày như sau:

Ngày 25/11/2014 ông Nguyễn Hồng H và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam (viết tắt là Công ty) ký hợp đồng hợp tác bán Hng số 0085103/HĐ-LMTD.

Tuy nhiên, để tham gia ký kết hợp đồng trên với tư cách là cộng tác viên, Công ty yêu cầu ông H phải mua các gói sản phẩm cụ thể như sau:

Ông H mua 19 gói sản phẩm tại thị trường HD với 2 loại giá là 8.450.000 đồng/đồng/gói và 9.888.000 đồng/gói. Tổng số tiền của ông H đã mua của Công ty là 164.864.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Sau đó ông H có nộp tiền vào Công ty, Công ty viết và đưa cho ông H 19 Phiếu đặt Hng nhưng Công ty không viết cho ông H phiếu thu. Sau thời gian này ông H đến văn phòng đại diện của Công ty tại thị trường HD để nhận Hng hóa nhưng Công ty không có Hng để gửi cho ông.

Nhận thấy Công ty có dấu hiệu làm ăn không minh bạch, ông H nhiều lần đến Công ty đề xin nhận Hng thì Công ty nói không có. Ông H được biết ngày 03/11/2016 Công ty bị Cục Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp. Khi nhận được thông tin này ông H và nhiều người tham gia đã nhiều lần lên Văn phòng đại diện của Công ty tại tHnh phố HD để yêu cầu Công ty hoàn trả lại tiền nhưng không được giải quyết.

Nhận thấy Công ty đã có những Hnh vi vi phạm khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán Hng đa cấp nên ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tHnh phố BG buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả lại cho ông H số tiền 164.864.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng*) tương đương với các mã sản phẩm cụ thể như sau:

03 phiếu đặt Hng (bản gốc) x 9.888.000 = 29.664.000 đồng.

16 phiếu đặt Hng (bản gốc) x 8.450.000 = 135.200.000 đồng.

Bị đơn là Công ty LMTD Việt Nam, do ông Nguyễn Văn C, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty LMTD Việt Nam là người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để viết bản tự khai và trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã niêm yết toàn bộ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định xét xử và các giấy tờ tố tụng khác của Tòa án tại nơi Công ty đăng ký trụ sở chính.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng - Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTD Việt Nam, bao gồm:

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có N dung: Công ty Cổ phần LMTD Việt Nam không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán Hng đa cấp; Công ty đã thực hiện Hnh vi ký Hợp đồng tham gia bán Hng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện Hnh vi ký Hợp đồng tham gia bán Hng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán Hng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán Hng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện Hnh vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán Hng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán Hng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán Hng đa cấp và quá trình hoạt động bán Hng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTD Việt Nam không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán Hng đa cấp.

- Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến Hnh hòa giải nhiều lần nhưng hòa giải không tHnh vì bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố BG phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp Hnh đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp Hnh đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng H, buộc Công ty LMTD Việt Nam phải trả cho ông Nguyễn Hồng H số tiền 164.864.000 đồng tương đương với 19 gói sản phẩm.

Về án phí: Công ty LMTD Việt Nam phải chịu án phí theo qui định. Ông Nguyễn Hồng H không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thấy: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án thì thấy: Ngày 25/11/2014 ông Nguyễn Hồng H và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam ký hợp đồng hợp tác bán Hng số 0085103/HĐ-LMTD. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 30/04/2016 ông H lấy 27 mã sản phẩm, còn lại 19 mã sản phẩm ông H chưa nhận được. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông H với Công ty LMTD Việt Nam là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán Hng và kiện đòi tài sản, các bên không tự giải quyết được tranh chấp, ông H làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết, đây là “*Tranh chấp về Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán Hng và kiện đòi tài sản*”. Tòa án nhân dân tHnh phố BG thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho ông H số tiền 164.864.000 đồng tương đương 19 gói sản phẩm.

Ngày 25/11/2014 ông Nguyễn Hồng H và Công ty cổ phần LMTD Việt Nam ký hợp đồng hợp tác bán Hng số 0085103/HĐ-LMTD. Theo đó, ông H đã mua của Công ty 19 mã sản phẩm tương đương với 164.864.000 đồng. nhưng ông H chưa nhận được Hng.

Ngày 03/10/2016, Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần LMTD Việt Nam. Tại Quyết định trên thì Công ty đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP. Sau khi Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán Hng đa cấp, ông H cũng đã nhiều lần đến Công ty để lấy Hng và đòi tiền, nhưng không được giải quyết.

Tổng giá trị 19 gói sản phẩm là 164.864.000 đồng hiện ông H chưa nhận được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán Hng đa cấp và điểm c

khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/7/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán Hng đa cấp.

[3] Về án phí: Yêu cầu của ông Nguyễn Hồng H được chấp nhận, do vậy Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu án phí DSST là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH83, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 280, Điều 356, Điều 357 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán Hng đa cấp. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH83 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng H.

Buộc Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải trả cho ông Nguyễn Hồng H số tiền là 164.864.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu tám trăm sáu tư nghìn đồng*).

2. Về án phí: Công ty cổ phần LMTD Việt Nam phải chịu 8.243.200 (*Tám triệu hai trăm năm bán mươi ba nghìn hai trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi Hnh án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có Q chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất là 10%/năm.

4. Về Q kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Về hướng dẫn thi Hnh án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2- Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có Q thoả thuận thi Hnh án, Q yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh BG;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- VKS TP BG,
- CCTHA dân sự TP BG,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Văn Trường